

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 16 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Đào Bích và bà Đỗ Hồng Hạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2019/TLST - HS ngày 18 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 02/10/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cầm Văn H** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/8/1981 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Làng T (nay là thôn Y), xã Yên Nguyên, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Cầm Tiến B, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1955; có vợ Phạm Thị Q, sinh năm 1985 và có 01 con sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Ma Công C, sinh năm 1995.
2. Anh Ma công N, sinh năm 1974.
3. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1986.
4. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1989.
5. Anh Lý Văn P, sinh năm 1988.
6. Anh Ma Duy L, sinh năm 1980.

Đều trú tại: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh C, N, D, N, P, L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng*: Chị Ma Thị H, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010 Cầm Văn H, trú tại thôn Làng T, xã Yên Nguyên, huyện C, tỉnh Tuyên Quang sang Trung Quốc làm thuê. Đầu năm 2014 H quen một người đàn ông Trung Quốc (H không biết tên) là người chuyên môi giới xin việc làm, người đàn ông này nói với H là đang cần tìm người làm thuê tại các xưởng sản xuất gạch, nhôm và sắt, L từ 8.000.000đ đến 10.000.000 đ/tháng, có bao ăn, chỗ ngủ, nếu H tìm được người Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm thuê, thì người đàn ông này sẽ trả cho H 200NDT/người/tháng (tương đương 700.000 VNĐ), H nhất trí. H điện thoại cho một người đàn ông tên S ở tỉnh Lạng Sơn là người chuyên đưa người vượt biên trái phép sang Trung Quốc hỏi S về việc đưa người sang Trung Quốc, S bảo H ai đi thì phải làm hộ chiếu để làm thủ tục qua biên giới.

Khoảng tháng 01/2014, H điện cho Ma Thị H, cư trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (H quen H1 từ năm 2007 khi H lên làm ăn tại xã T), H bảo H1 là H đang làm thuê tại Trung Quốc, lương cao từ 8.000.000đ, đến 10.000.000đ/tháng, H bảo H1 tìm người để H đưa sang Trung Quốc làm thuê, nếu tìm được người H sẽ trả cho H1 500.000đ/1 người, nếu ai đi thì bảo họ làm hộ chiếu để làm thủ tục qua cửa khẩu, mỗi người phải nộp cho H 10.000.000đ để chi phí đi đường và xin việc làm. H1 gặp trực tiếp hoặc thông qua người khác rủ được 07 người là Ma Thị T, Ma Công C (con trai T), Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P và Ma Duy L đều trú tại thôn N, xã T, huyện L. Khi gặp những người này H1 nói cho họ biết về công việc, mức lương, chi phí đi đường, chi phí xin việc như H đã nói với chị H1 và bảo họ đi làm hộ chiếu để làm thủ tục khi qua biên giới, 07 người nhất trí đi và đến Phòng Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang làm hộ chiếu. Sau đó Tượng và C bảo H1 không có tiền; N, D nói không đủ tiền. H1 điện thông báo cho H biết về số lượng người H1 tìm được nhưng họ không đủ tiền để nộp. H thống nhất với H1, ai không có tiền hoặc không đủ tiền thì H sẽ ứng ra chi phí trước, khi nào sang Trung Quốc làm có lương thì H sẽ thu lại sau, đồng thời H nhờ H1 thu tiền của mọi người hộ H và báo cho mọi người ngày 06/5/2014, H sẽ về nhà H1 đón và đưa mọi người đi Trung Quốc. H1 thông báo lại cho mọi người biết thời gian đi, sau đó H1 thu của Lý Văn P 10.000.000đ, Hoàng Văn N 5.000.000đ, Hoàng Văn D và Ma công N vay của H1 mỗi người 5.000.000đ (H1 viết giấy vay nợ cho D và N nhưng không đưa tiền mà cầm luôn để đưa cho H), hai mẹ con T và C không có tiền nộp.

Tối ngày 05/5/2014, H từ Trung Quốc về Việt Nam đến nhà H1, H1 thông báo cho 07 người nêu trên 5 giờ ngày 06/5/2014 tập trung tại nhà H1 sẽ có người

đón đưa mọi người đi Trung Quốc. Đúng thời gian đã hẹn, mọi người tập trung tại nhà H1. H1 đưa cho H số tiền 25.000.000đ là tiền thu của P, N, D, N. Còn Ma Công L nộp trực tiếp cho H 10.000.000đ. Sau đó H điện cho xe khách Tuyên - Duyên (do H1 cho số điện thoại) đến đón và đưa mọi người xuống Hà Nội, rồi tiếp tục bắt xe khách đi Lạng Sơn. Trên đường đi, H điện cho S thông báo đang đưa mọi người lên Lạng Sơn và hỏi S về thủ tục đưa mọi người sang Trung Quốc. S bảo H, nếu làm thủ tục đi qua cửa khẩu thì khó khăn, chi phí cao, còn nếu đi chui, tức vượt biên trái phép thì chỉ hết 150NDT/01người, tương đương 500.000đ, nên H thống nhất với S là sẽ đưa mọi người đi chui. Khi xe khách đến ngã ba Mỹ Sơn, tỉnh Lạng Sơn, H bảo mọi người xuống xe và bắt xe ô tô đưa mọi người lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, H đưa mọi người đến một nH dân ở gần khu vực biên giới nghỉ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S cho một người đàn ông (H không biết tên) đến đưa H và 07 người đi bộ vượt biên trái phép theo đường đồi sang Trung Quốc vào nghỉ tại nhà một người dân. Hôm sau H liên hệ xe ô tô đưa mọi người đến chỗ làm tại tỉnh An Huy, Trung Quốc. Tại đây H gặp ông chủ người Trung Quốc xin cho mọi người vào làm việc tại các xưởng sản xuất khác nhau ở Chu Hải; Thượng Hải, Trung Quốc, nhưng do công việc không ổn định nên từ ngày 03/7/2014 đến ngày 19/8/2014 N, D, L, C, P và N lần lượt về Việt nam. Còn T vẫn ở Trung Quốc làm đến nay chưa về.

Quá trình đưa 07 người nêu trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc, H đã chi phí tiền đi đường, ăn, nghỉ và xin việc làm tại Trung Quốc hết 9.975.000đ/1 người. Khi làm có L mọi người đã trả cho H số tiền còn thiếu do H đã ứng ra trước đó. Còn số tiền 500.000đ H hứa trả cho H1 khi tìm được người đưa sang Trung Quốc, H chưa trả vì việc làm của mọi người bên Trung Quốc thu nhập không ổn định và do ông chủ Trung Quốc cũng chưa trả cho H số tiền 200NDT như thỏa thuận ban đầu.

Sau khi đưa số người trên sang Trung Quốc để làm thuê, bị cáo Cẩm Văn H ở lại làm thuê tại Trung Quốc mà không về Việt Nam. Ngày 17/12/2014 Cơ quan An ninh điều tra khởi tố bị can, ngày 22/12/2014 ra Lệnh truy nã; ngày 15/7/2019 H đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đầu thú.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Cẩm Văn H về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội: hành vi của bị cáo đưa người sang Trung Quốc mục đích để làm thuê, bản thân bị cáo do làm ăn thua lỗ nên đã ở lại Trung Quốc làm thuê kiếm tiền trả nợ, không liên lạc về với gia đình, bị cáo không biết hành vi đưa người sang Trung Quốc của mình là phạm tội và bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang khởi tố, ra lệnh truy nã nên cần xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo. Xong hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Cẩm Văn H phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Cầm Văn H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Ma Duy L và Lý Văn P mỗi người 2.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ma Công C, Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P và Ma Duy L quyền hộ chiếu (06 quyển) do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp năm 2014.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo cải tạo tại địa phương, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo khai: Sau khi đưa 07 người qua biên giới bằng đường mòn, bị cáo đã chi phí tiền thuê xe, xin việc làm cho mọi người, thậm chí bị cáo đã phải ứng tiền để xin việc cho mẹ con chị T, bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc đưa số người trên sang Trung Quốc, xong do công việc không ổn định và thu nhập thấp nên 06 người đã tự bỏ về Việt Nam, còn bị cáo ở lại Trung Quốc làm thuê để kiếm tiền trả nợ từ đó cho đến tháng 7 năm 2019 bị cáo mới liên lạc về cho anh trai của mình, thì anh trai bị cáo nói có lệnh truy nã về hành vi bị cáo đưa 07 người vượt biên sang Trung Quốc nên bị cáo đã về Việt Nam để ra đầu thú mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo hoàn toàn không biết việc đưa số người trên sang Trung Quốc là vi phạm pháp luật, không biết mình bị khởi tố và truy nã, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 05 giờ ngày 06/5/2014 tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, Cầm Văn H, cư trú tại thôn Làng T, xã Yên Nguyên, huyện C có hành vi tổ chức cho 07 người gồm Ma Thị T, Ma Công C, Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P và Ma Duy L đều trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang trốn sang Trung Quốc làm thuê trái phép. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Cầm Văn H phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, tội phạm và hình phạt được quy

định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải xem xét xử lý nghiêm.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 06/5/2014, ngày 17/10/2014 khởi tố vụ án, ngày 17/12/2014 khởi tố bị can, tuy nhiên sau khi đưa nhóm người trên sang Trung Quốc làm thuê bị cáo Cẩm Văn H cũng ở lại làm thuê tại Trung Quốc mà không về Việt Nam, đến tháng 7/2019 sau khi liên lạc với gia đình bị cáo mới biết mình bị truy nã nên ngày 15/7/2019 bị cáo về Việt Nam và đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đầu thú. Thời điểm phạm tội khi đó Bộ luật Hình sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, do đó để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi của bị cáo bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo là phù hợp.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là ông Cẩm Tiến B (đã chết) là thương binh hạng ¼; sau khi thực hiện hành vi vi phạm đã tự nguyện ra đầu thú; là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp nên sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế; bị cáo tự nguyện bồi thường cho Ma Duy L và Lý Văn P mỗi người 2.000.000đ, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp với hành vi của bị cáo.

Việc bị cáo bị truy nã, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi đưa nhóm người trên sang Trung Quốc (ngày 6/5/2014) mục đích đi làm thuê, bị cáo H cũng ở lại làm thuê tại Trung Quốc mà không về Việt Nam, do việc làm ăn thua lỗ nên bị cáo không liên lạc về với gia đình nên không ai biết bị cáo đang ở đâu, ngày 17/10/2014 Cơ quan An ninh điều tra khởi tố vụ án, ngày 17/12/2014 khởi tố bị can và ngày 22/12/2014 ra Lệnh truy nã, đến đầu tháng 7/2019 sau khi liên lạc với gia đình bị cáo mới biết mình bị truy nã nên đã về Việt Nam và ra đầu thú ngày 15/7/2019 tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang. Xét, việc bị cáo đưa số người trên sang Trung Quốc làm thuê và bị cáo cũng ở lại Trung Quốc để làm thuê trước thời điểm bị cáo bị khởi tố và bị truy nã, do vậy hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp biết mình có hành vi phạm tội, bị khởi tố rồi mới bỏ trốn dẫn đến bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, biên bản xác minh, lời khai của bị cáo có đủ cơ sở xác định bị cáo không biết hành vi của mình đã bị cơ quan điều tra khởi tố bị can và ra lệnh truy nã về hành vi Tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài, do vậy cần xem xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị bồi thường nên không xem xét. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Ma Duy L và Lý Văn P mỗi người 2.000.000đ.

[6] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ 06 quyển hộ chiếu do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp năm 2014, xét những quyển hộ chiếu này không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho Ma Công C, Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P và Ma Duy L.

[9] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người đàn ông tên S, quá trình điều tra, H khai là người H liên hệ tổ chức đưa 07 người trốn sang Trung Quốc, nhưng H không biết họ, địa chỉ nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với Ma Thị H không biết Cầm Văn H tổ chức đưa mọi người do H1 tìm được trốn đi nước ngoài trái phép nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi xuất, nhập cảnh trái phép của Ma Công C, Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P, Ma Duy L, Ma Thị T, ngày 07/01/2015 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã có công văn và chuyển tài liệu đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang đề nghị xử lý hành chính theo quy định. Ngày 16/01/2015 Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N, D, N, P và C. Còn L và T không có mặt tại địa phương nên chưa lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính được.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Cầm Văn H** phạm tội “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*”.

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Xử phạt: Bị cáo Cầm Văn H **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/10/2019.

Giao bị cáo Cầm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo Cầm Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Ma Duy L và Lý Văn P mỗi người 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

3. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 06 quyền hộ chiếu mang tên: Ma Công C, Ma công N, Hoàng Văn D, Hoàng Văn N, Lý Văn P và Ma Duy L do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp năm 2014 (*số hộ chiếu trên đang lưu theo hồ sơ vụ án*).

4. Căn cứ: Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cầm Văn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án (kháng cáo phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H Nội;
- VKSND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQANĐT Công an tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn

